

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 4 năm 2021

(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thiện

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Vân; Ông Đặng Việt Côi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tường Thị Lan, Cán bộ Tòa án ND huyện UH.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Khuyển, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Chị **Đinh Thị Kiều N**, sinh năm 1996; nguyên quán: thôn ND, xã HN, huyện UH, thành phố Hà Nội; Nơi ĐKKHKT: thôn DX, xã HN, huyện UH, thành phố Hà Nội.

\* **Bị đơn:** Anh **Đỗ Xuân D**, sinh năm 1995; Nguyên quán và nơi ĐKKHKT: thôn DX, xã HN, huyện UH, thành phố Hà Nội.

(Chị N và anh D đều có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án, chị **Đinh Thị Kiều N** trình bày: chị và anh **Đỗ Xuân D** tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HN năm 2014. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D không có trách nhiệm với vợ con, anh D ham chơi, thường xuyên đi chơi thâu đêm suốt sáng. Từ ngày lấy nhau cho đến nay anh D chưa một lần nào hỗ trợ chị chi phí sinh hoạt gia đình cũng như nuôi dạy con cái, Ny cả khi đi để con chị cũng phải vay tiền của ông bà ngoại. Chị còn phát hiện ra anh D nhiều lần có quan hệ với những người phụ nữ làm nghề nhân viên phục vụ nhà hàng, các quán hát karaoke. Chị cũng đã rất nhiều lần nói chuyện với anh D, nhưng anh D không những không lắng

nghe chị, không lắng nghe bố mẹ gia đình hai bên phân tích mà còn quay ra cãi chửi nhau với chị. Anh D còn thường xuyên chơi lô đề cờ bạc dẫn đến nợ nần phải đi vay tiền tín dụng đen bên ngoài, không có tiền trả nợ, nhà chị còn bị người ta ném mắm tôm và các chất bẩn vào trong nhà. Khi đó anh chị vẫn sống chung một nhà với bố mẹ chồng nên chuyện này bố mẹ chồng chị cũng có biết. Chị còn nghe thông tin anh D có sử dụng chất kích thích nhưng vì không có bằng chứng cụ thể nên chị không dám khẳng định. Mâu thuẫn vợ chồng chị xảy ra nhiều năm nhưng vì được bố mẹ hai bên gia đình động viên, con lại còn nhỏ nên chị cố gắng nhẫn nhịn chung sống với anh D. Tuy nhiên, đến cuối năm 2019 do không thể tiếp tục cuộc sống với anh D như vậy được nữa nên chị đã bỏ đi khỏi nhà anh D, anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh D vẫn tiếp tục ở nhà cùng bố mẹ đẻ anh D, còn chị đang ở nhờ nhà người quen. Nay chị làm đơn xin được ly hôn với anh D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung: Đỗ Xuân M - sinh ngày 18/4/2013 và Đỗ Thu H - sinh ngày 27/8/2016. Hiện nay, cả hai cháu đều đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con cho chị hàng tháng với số tiền 4.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án, anh Đỗ Xuân D trình bày:* anh và chị N tự nguyện đăng ký kết hôn và chung sống với nhau như chị N trình bày ở trên là đúng. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, gần như không có mâu thuẫn gì, thỉnh thoảng mới phát sinh mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống nhưng mâu thuẫn xong rồi lại thôi. Anh thừa nhận anh có mãi chơi, không quan tâm đến vợ con được như chị N mong muốn, nhưng bản thân anh không mãi chơi lô đề, cờ bạc hay có quan hệ với người phụ nữ khác như chị N trình bày ở trên. Anh chị chưa bao giờ đánh cãi chửi nhau. Trước đây khi mới kết hôn vì hai vợ chồng anh còn ít tuổi, chưa có công ăn việc làm nên cả hai vợ chồng đều chung sống cùng nhà với bố mẹ đẻ anh, đến cuối năm 2019 do chị N mở cửa hàng kinh doanh nên để tiện cho việc trông nom cửa hàng vợ chồng anh cùng con cái chuyển đồ đạc lên cửa hàng của chị N ở. Anh chị chưa bao giờ sống ly thân với nhau như chị N nói. Cụ thể tết 2020 vừa rồi vợ chồng con cái anh vẫn về nhà bố mẹ đẻ anh ăn tết ở đó. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh, quan điểm anh vẫn còn tình cảm với chị N, vợ chồng anh chỉ có mâu thuẫn nhỏ, chưa đến mức trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn, anh tha thiết mong Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh đoàn tụ với nhau để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: anh và chị N có 02 con chung như chị N trình bày ở trên là đúng. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản lấy lời khai ông Đỗ Đăng T là bố đẻ anh Đỗ Xuân D cùng bà Nguyễn Thị G là mẹ đẻ chị Đinh Thị Kiều N đều trình bày: vợ chồng anh D chị N chung sống với nhau hạnh phúc, gần như không có mâu thuẫn gì. thỉnh thoảng có mâu thuẫn nhỏ nhưng xong rồi lại thôi. Anh D có phần còn mãi chơi, không quan tâm đến vợ con được như chị N mong muốn; bên cạnh đó chị N cũng chưa thực sự khéo léo trong việc vun vén hạnh phúc gia đình. Khi hai gia đình tổ chức cưới là chưa đến tuổi đăng ký kết hôn, công việc chưa có, sau khi cưới được khoảng 2 đến 3 tháng đã lại sinh con nhỏ nên vợ chồng anh D chị N cùng sống chung một nhà với bố mẹ chồng, mãi đến cuối năm 2019 vợ chồng con cái anh D chị N mới chuyển đồ đạc lên cửa hàng của chị N để sinh sống, vợ chồng anh D chị N chưa sống ly thân bao giờ, tết năm 2020 vợ chồng con cái anh D chị N vẫn về nhà bố mẹ chồng để ăn tết. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh D, quan điểm ông T và bà G đề nghị Tòa án tạo điều kiện hòa giải cho anh D và chị N đoàn tụ với nhau cùng nhau nuôi dạy con cái.

Tại biên bản xác M ngày 10/3/2021, Chính quyền địa phương xã HN cung cấp: chị N và anh D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HN ngày 26/12/2014. Vợ chồng anh D và chị N chung sống hạnh phúc, hàng xóm láng giềng cũng như chính quyền địa phương chưa nghe thấy điều tiếng gì về mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh D và chị N. Chính quyền địa phương vẫn thấy anh D và chị N chung sống với nhau, tết 2020 vừa qua vợ chồng anh D chị N cùng con cái vẫn về ăn tết ở nhà bố mẹ đẻ anh D. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh D, đề nghị Tòa án tạo điều kiện phân tích, hòa giải cho anh D và chị N về đoàn tụ với nhau, cùng nhau nuôi dạy con cái.

Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; anh D vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn. Chị N và anh D đều giữ nguyên ý kiến như nội dung trình bày tại Tòa trước đây và đều không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành các thủ tục theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết không chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N; vì không chấp nhận đơn xin ly hôn nên về con chung, tài sản chung và công nợ chung đều không đặt ra giải quyết. Chị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ-ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng: Chị Đinh Thị Kiều N làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân huyện UH tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền, đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Đinh Thị Kiều N và anh Đỗ Xuân D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HN ngày 26/12/2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống theo chị N trình bày thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D mãi chơi, không quan tâm đến vợ con, anh D chơi lô đề cờ bạc dẫn đến nợ nần, anh D còn có quan hệ với người phụ nữ khác, anh D không hỗ trợ chị về kinh tế gia đình nên chị cương quyết xin được ly hôn với anh D; còn theo anh D trình bày anh thừa nhận anh có phần mãi chơi, chưa quan tâm đến vợ con được như chị N mong muốn, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng anh thỉnh thoảng mới phát sinh, chỉ là mâu thuẫn nhỏ chưa đến mức trầm trọng, chưa đánh chửi nhau bao giờ, anh còn tình cảm với chị N nên anh không đồng ý ly hôn, anh tha thiết đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị đoàn tụ.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N với anh D chỉ là mâu thuẫn nhỏ, chưa đến mức căng thẳng, trầm trọng; chị N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn nhưng lại không đưa ra được các căn cứ chứng M cho các nguyên nhân đó, không đưa ra được các căn cứ chứng M hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo như quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; bên cạnh đó theo anh D thừa nhận, theo lời khai của bố đẻ anh D, mẹ đẻ chị N cũng như thông tin xác M được ở chính quyền địa phương thì thấy: vợ chồng anh D chị N chưa có mâu thuẫn trầm trọng, hai vợ chồng vẫn sống chung và đều đang cùng nuôi dạy con chung, nên không có căn cứ chứng M về hôn nhân giữa chị N và anh D mâu thuẫn trầm trọng. Do đó, để tạo điều kiện cho chị N và anh D có thời gian gắn kết, hàn gắn hạnh phúc gia đình, cùng nuôi dạy con chung, nên không chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N là phù hợp.

[3] Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: do không chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N nên về con chung, tài sản chung và công nợ chung, HĐXX đều không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị Kiều N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 39 Bộ luật dân sự và căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c mục 10 Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 23 tháng 12 năm 2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

**1. Về hôn nhân:** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đinh Thị Kiều N đối với anh Đỗ Xuân D.

\* Sau 01 năm kể từ ngày bản án này có hiệu lực Pháp luật, chị Đinh Thị Kiều N mới lại được yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn.

**2. Về án phí:** Chị Đinh Thị Kiều N phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009960 ngày 15 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện UH, thành phố Hà Nội.

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi thường trú đối với người vắng mặt./.

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện UH;
- Chi cục THA.DS huyện UH;
- UBND xã nơi Đăng ký kết hôn;
- Các đ- ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Thiện**